

Số: 159/BKHCN-KHTC

V/v: Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2014

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2013

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước.

Hiện nay, các Bộ, ngành, địa phương đã và đang triển khai kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2013. Dự kiến vào khoảng tháng 6 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ sẽ có Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014. Để đảm bảo tiến độ xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách năm 2014 theo quy định, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Bộ, ngành, địa phương) như sau:

## **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2012, 6 tháng đầu năm 2013 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013 xây dựng báo cáo đánh giá (kết quả hoạt động ngoài việc thể hiện bằng lời cần được định lượng bằng các con số cụ thể) theo các nội dung sau:

### **I. Đối với các Bộ, ngành và địa phương**

#### **1. Đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về khoa học và công nghệ**

- Phân tích cụ thể những thuận lợi, khó khăn và những hạn chế bất cập trong quá trình áp dụng những văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực KH&CN, từ đó đề xuất những kiến nghị sửa đổi cho phù hợp với thực tế của Bộ, ngành và địa phương. Trong đó, chú ý đánh giá tình hình thực hiện Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập, Nghị định 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 về doanh nghiệp KH&CN, Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 80/2007/NĐ-CP và tình hình hoạt động của các tổ chức khoa học công nghệ<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Số lượng đề án thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN được phê duyệt, việc thực hiện cơ chế tự chủ về nhiệm vụ, tài chính, quản lý và sử dụng tài sản, quản lý tổ chức và nhân lực; tự chủ về hợp tác quốc tế, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các kiến nghị; hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN: số lượng, quy mô vốn điều lệ các doanh nghiệp KH&CN đã được thành lập và đăng ký chứng nhận doanh nghiệp KH&CN, việc thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi trong sử dụng đất đối với các doanh nghiệp KH&CN, những khó khăn, vướng mắc và các đề xuất kiến nghị; số lượng tổ chức đăng ký hoạt động KH&CN, hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN.

- Tình hình xây dựng và ban hành văn bản trong lĩnh vực KH&CN của Bộ ngành, địa phương trong năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013. Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành hoạt động KH&CN của các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện và dự kiến những cơ chế chính sách cần xây dựng trong những năm tiếp theo.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Kết quả chủ yếu của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ; tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương<sup>2</sup>:

- Kết quả tham gia thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX), nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp nhà nước, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, nhiệm vụ bảo tồn và khai thác quỹ gen và các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước khác.

- Kết quả tham gia thực hiện các Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

- Kết quả tham gia thực hiện các Chương trình, Đề án quốc gia về KH&CN: Chương trình nâng cao năng suất chất lượng, sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015; Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015; Đề án thực thi Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại giai đoạn 2011 – 2015.

- Đối với các dự án KH&CN quy mô lớn đã kết thúc hoặc đang triển khai do các doanh nghiệp thuộc Bộ hoặc Tập đoàn, Tổng Công ty 91 được giao chủ trì (ví dụ: máy biến áp 220 kV; tàu chở dầu 100.000 tấn; xi măng lò quay; thủy điện nhỏ công suất 6 MW/1 tổ máy; giàn khoan dầu khí tự nâng 90 mét nước; thiết kế và chế tạo chip, thẻ đầu đọc RFID...), cần đánh giá hiệu quả và tác động của việc thực hiện các dự án này vào sản xuất kinh doanh của các ngành liên quan.

- Kết quả thực hiện các chương trình KH&CN cấp nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ ngành chủ trì (đánh giá theo từng chương trình).

- Kết quả thực hiện các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, ngành, địa phương; chương trình phối hợp công tác giữa các Bộ, ngành, địa phương với Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có).

- Đối với các Bộ, ngành chủ quản các phòng thí nghiệm trọng điểm, cần đánh giá việc thực hiện các quy định về: tình hình quyết toán, nghiệm thu dự án đầu tư và bàn giao; tổ chức bộ máy và hoạt động của Phòng thí nghiệm trọng điểm, hoạt động của Hội đồng Phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ chế chính sách đối với hoạt động của phòng thí nghiệm trọng điểm; sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra từ hoạt động nghiên cứu của phòng thí nghiệm trọng điểm; những tồn tại, vướng mắc cần khắc phục. Đồng thời cần đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm

<sup>2</sup> Đánh giá thông qua một số chỉ số sau: số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác đã được cấp văn bằng bảo hộ; doanh thu từ các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại.

vụ KH&CN cấp nhà nước giao cho các phòng thí nghiệm trọng điểm thực hiện trong năm 2011 và 2012. Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ tăng cường kiểm tra hiệu quả hoạt động của các phòng thí nghiệm trọng điểm theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân tại văn bản số 7923/VPCP-KGVX ngày 8/10/2012.

- Kết quả chủ yếu của các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (công tác xây dựng TCVN và QCVN...), Sở hữu trí tuệ, Đánh giá - Thẩm định và Giám định công nghệ, Đổi mới công nghệ, An toàn bức xạ hạt nhân, Thông tin và thống kê KH&CN, Hợp tác quốc tế về KH&CN, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.

- Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ không thường xuyên khác ở các Bộ, ngành và địa phương.

- Kết quả thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học hoặc kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN: báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ dự toán, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới.

### ***3. Đánh giá tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2012, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013***

Báo cáo tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2012, 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013 giao cho từng Bộ, ngành, địa phương. Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện giám sát việc sử dụng ngân sách cho hoạt động KH&CN tại các Bộ, ngành, địa phương để có căn cứ trong việc xem xét cân đối phân bổ dự toán ngân sách năm 2014.

### ***4. Đánh giá hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ***

- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN trong năm 2012, 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2013 trong đó cần tập trung vào một số nội dung như: tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ; số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; các nhiệm vụ có đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn; tình hình tài chính và giải ngân, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng Quỹ; những thuận lợi và khó khăn và đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết. Sở KH&CN hướng dẫn và tổng hợp báo cáo của các Quỹ KH&CN trực thuộc vào báo cáo chung của tỉnh, thành phố.

- Các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các tập đoàn, các tổng công ty 91 báo cáo tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, các đóng góp vào sự phát

triển của tập đoàn, tổng công ty thông qua các nhiệm vụ KH&CN do quỹ tài trợ thực hiện, các kiến nghị về cơ chế, chính sách để tạo thuận lợi cho việc phát huy hiệu quả của quỹ. Các tập đoàn trực thuộc Chính phủ báo cáo trực tiếp về Bộ KH&CN, các Bộ chủ quản hướng dẫn và tổng hợp báo cáo của các tập đoàn, tổng công ty 91 trực thuộc vào báo cáo chung của Bộ, ngành.

Ngoài phần đánh giá theo các nội dung nêu trên đề nghị các Bộ, ngành, địa phương cập nhật các số liệu báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 1 từ Biểu TK1-TK5.

## **II. Đối với các chương trình Quốc gia về KH&CN, các chương trình KH&CN cấp nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì và Quỹ KH&CN Quốc gia**

### **1. Các Chương trình Quốc gia**

Văn phòng điều phối các Chương trình Quốc gia tổng hợp báo cáo tình hình soạn thảo các văn bản hướng dẫn quản lý và kết quả triển khai thực hiện 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013 của các Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 và Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Văn Phòng Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015, Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020, Đề án TBT giai đoạn 2011-2015, Đề án Hội nhập Quốc tế về khoa học và công nghệ... căn cứ mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến của từng chương trình tổng hợp kết quả triển khai thực hiện đến tháng 6 năm 2013 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

**2. Các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX) căn cứ mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến của từng chương trình báo cáo tình hình và kết quả triển khai thực hiện đến tháng 6 năm 2013 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2013, những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị hướng giải quyết để Bộ Khoa học và Công nghệ kịp thời điều chỉnh các quy định về tổ chức quản lý chương trình cho phù hợp. Văn Phòng các Chương trình KH&CN cấp nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết các Ban Chủ nhiệm chương trình và tổng hợp báo cáo chung gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.**

### **3. Đối với Quỹ KH&CN**

Các Quỹ phát triển KH&CN Quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ Quốc gia báo cáo tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN trong năm 2012, 6 tháng đầu năm 2013 và dự kiến 6 tháng cuối năm 2013 trong đó cần tập trung vào một số nội dung như: tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ; số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; các nhiệm vụ có đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn; tình hình tài chính và giải ngân; những thuận lợi và khó khăn và đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết.

## **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2014**

### **I. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước**

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước là các nhiệm vụ KH&CN do các Bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng đáp ứng các tiêu chí sau: có tầm quan trọng đặc biệt đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội; giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ liên ngành, liên vùng; vượt quá khả năng giải quyết của một ngành, cần huy động nguồn lực của nhiều bộ, ngành, địa phương và các nhiệm vụ cấp bách, mới phát sinh có tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia được Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao.

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước là việc các Bộ, ngành, địa phương trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân xem xét lựa chọn và xác định gửi Bộ KH&CN. Đối với các đề xuất đặt hàng của các tổ chức chính trị - xã hội, các ban của Đảng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương; tập đoàn, tổng công ty cần đề xuất thông qua các Bộ, ngành theo lĩnh vực quản lý hoặc các địa phương để đề xuất đặt hàng. Đề xuất đặt hàng của các Bộ, ngành và địa phương gồm vấn đề KH&CN hoặc các đề tài, dự án cụ thể đảm bảo yêu cầu:

2.1. Yêu cầu chung: ngoài việc đáp ứng các tiêu chí nêu tại Điểm 1 Mục I Phần B nêu trên cần phải có cam kết về trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu, đối ứng vốn, không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện, có khả năng huy động nguồn lực từ các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong nước và nước ngoài tham gia thực hiện.

2.2. Yêu cầu đối với đề tài: đưa ra được các luận cứ khoa học cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước, tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực hoặc quốc tế, có giá trị ứng dụng cao, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

2.3. Yêu cầu đối với dự án: nghiên cứu hoàn thiện các công nghệ hoặc sản phẩm khoa học từ kết quả nghiên cứu của đề tài KH&CN đã được hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng, kết quả khai thác sáng chế; sản phẩm KH&CN khác, công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, có khả năng thay thế nhập khẩu, có khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện và có địa chỉ ứng dụng sản phẩm, sản phẩm của dự án có khả năng áp dụng rộng rãi để tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng.

2.4. Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo Nghị định thư, ngoài việc đáp ứng yêu cầu chung nêu trên, phải có căn cứ pháp lý<sup>3</sup> rõ ràng, cam kết của đối tác nước ngoài cùng hợp tác thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo lợi ích của các bên, khai thác được thế mạnh về KH&CN và nguồn tài chính của các nước tiên tiến để giải quyết vấn đề KH&CN cấp thiết trong nước.

3. Đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước là việc Bộ KH&CN tổ chức xem xét lựa chọn và xác định nhiệm vụ đặt hàng trên cơ sở đề xuất đặt hàng từ các Bộ, ngành và địa phương để tuyển chọn, xét chọn và ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước.

4. Quy trình hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước

4.1. Nhiệm vụ khai thác và phát triển nguồn gen được tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 18/2010/TT-BKHCN ngày 24/12/2010 của Bộ Khoa học và công nghệ.

4.2. Dự án khoa học công nghệ được tổ chức thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Quyết định số 11/2005/QĐ-BKHCN ngày 28/5/2005.

4.3. Đối với việc xác định nhiệm vụ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (KC, KX) tại phụ lục 6, áp dụng Thông tư số 06/2012/TT-BKHCN ngày 12/3/2012 về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước.

4.4. Đối với việc xác định nhiệm vụ để đưa vào thực hiện trong các Chương trình, đề án quốc gia về khoa học và công nghệ nêu tại phụ lục 7, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ có hướng dẫn riêng theo đặc thù của từng chương trình, đề án.

4.5. Đối với việc xác định nhiệm vụ để thực hiện trong các chương trình KH&CN cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao cho các Bộ, ngành tổ chức thực hiện nêu tại phụ lục 8, các Bộ, ngành vận dụng quy trình xác định nhiệm vụ quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BKHCN ngày 12/3/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xác định nhiệm vụ KH&CN thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước.

4.6. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước khác không thuộc các mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 và 4.5 nêu trên, căn cứ vào mục tiêu phát triển ngành, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đồng thời căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 5 năm 2011 - 2015 của các Bộ, ngành, địa phương đã điều chỉnh theo tinh thần Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN chủ yếu giai đoạn 2011-2015, các Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc tổ chức đầu mối quản lý nhà nước về KH&CN của Bộ, Ngành, các Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất các vấn đề, nhiệm vụ KH&CN cần được nghiên cứu giải quyết (theo mẫu Phiếu đề xuất vấn đề, nhiệm vụ KH&CN tại Phụ lục 2 kèm theo) và tổ chức xem xét, xác định các vấn đề, nhiệm vụ KH&CN, phân loại và tổng hợp (theo mẫu tại Phụ lục 3), trình Lãnh đạo Bộ, ngành hoặc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định phê duyệt danh

<sup>3</sup> Kết quả đàm phán hoặc cam kết của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước với đối tác nước ngoài (song phương hoặc đa phương) liên quan đến KH&CN; các nhiệm vụ hợp tác quốc tế được thỏa thuận trong các phiên họp của Ủy ban, tiểu ban hỗn hợp về hợp tác KH&CN với các nước, hoặc đã được Bộ Khoa học và Công nghệ ký kết với các nước đối tác.

mục nhiệm vụ cấp nhà nước hoặc vấn đề cần giải quyết ở cấp nhà nước và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ theo tiến độ nêu tại Mục V dưới đây.

4.7. Đối với nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KH&CN theo Nghị định thư: ngoài các nhiệm vụ đã đủ căn cứ pháp lý và đáp ứng yêu cầu đề nghị bố trí thực hiện trong kế hoạch năm 2014, các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất các nội dung KH&CN cần phải hợp tác với nước ngoài trong những năm tới (theo mẫu Phụ lục 1, Quyết định số 14/2005/QĐ-BKH&CN ngày 08/9/2005 của Bộ trưởng Bộ KH&CN) và tổng hợp (theo mẫu tại Phụ lục 4 của công văn này) gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, đưa vào nội dung thỏa thuận ký kết với đối tác nước ngoài.

4.8. Nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ được tổ chức thực hiện theo quy định của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia (Quỹ có thông báo và hướng dẫn riêng).

4.9. Đối với những nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao

4.9.1. Đối với những nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao trực tiếp cho Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ sẽ chỉ đạo Ban Chủ nhiệm, Ban điều hành các chương trình phối hợp với chuyên gia để tư vấn cho việc hình thành các nhiệm vụ nghiên cứu cấp nhà nước và tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Khoa học và công nghệ.

4.9.2. Đối với những nhiệm vụ do Lãnh đạo Đảng, Chính phủ giao trực tiếp cho các Bộ ngành và địa phương, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức thực hiện như nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh, trường hợp vượt quá khả năng tự giải quyết thì báo cáo lãnh đạo Đảng, Chính phủ để giao cho Bộ KH&CN xem xét hình thành nhiệm vụ cấp nhà nước và tổ chức thực hiện.

## **II. Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, ngành, địa phương**

1. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ, ngành, địa phương.

1.1. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ, ngành, địa phương là các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch KH&CN 5 năm 2011-2015 của các Bộ, ngành, địa phương đã điều chỉnh theo tinh thần của Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015, phục vụ mục tiêu phát triển ngành và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, bảo đảm các yêu cầu sau:

- Là các vấn đề cấp thiết đối với phát triển KH&CN, quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, trong phạm vi địa phương;

- Là các vấn đề nằm trong khả năng giải quyết của một ngành, lĩnh vực, địa phương;

1.2. Quy trình hình thành đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, ngành, địa phương tương tự như hướng dẫn đối với nhiệm vụ cấp Nhà nước nêu tại Điểm 4.6 Khoản 4 Mục I Phần B của văn bản này.

2. Nhiệm vụ cấp Bộ, ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý nhà nước bao gồm các nhiệm vụ phục vụ thiết thực cho việc thực thi công tác quản lý nhà

nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (xây dựng TCVN, QCVN...), sở hữu trí tuệ, thông tin và thống kê KH&CN, thực hiện Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, kiểm soát và an toàn bức xạ hạt nhân...

3. Các dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp

- Các Bộ, ngành, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp trong những năm trước đây để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng hoặc xây dựng mới các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, giúp các tổ chức KH&CN từng bước thực hiện tự chủ. Các dự án này cần được thẩm định và phê duyệt sau khi có ý kiến của Hội đồng KH&CN cấp Bộ, tỉnh, thành phố.

- Vào thời điểm các Bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014 (khoảng tháng 6/2013), Bộ, ngành, địa phương phải có thuyết minh về các dự án có liên quan và thể hiện các dự án đó trong kế hoạch KH&CN năm 2014 của Bộ, ngành, địa phương (kèm Quyết định phê duyệt dự án).

4. Các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu – phát triển

- Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN. Theo quy hoạch đã được phê duyệt các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu - phát triển thì hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản đảm bảo nguyên tắc: đối tượng đầu tư phải là tổ chức KH&CN có đăng ký hoạt động KH&CN; dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch, chiến lược, định hướng phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực và địa phương hoặc phục vụ cho việc triển khai thực hiện các nội dung thuộc các chương trình Quốc gia về KH&CN do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tránh đầu tư chồng chéo, dàn trải, không hiệu quả.

- Các Bộ, ngành, địa phương tổng hợp các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN (theo mẫu tại Phụ lục 5) gửi về Bộ KH&CN theo tiến độ ở Mục V dưới đây để Bộ KH&CN tổng hợp và đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1244/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011-2015.

5. Ngoài các nhiệm vụ KH&CN được xây dựng bảo đảm các yêu cầu nói trên, các Bộ, ngành, địa phương tùy theo nhu cầu thực tế để xây dựng và đưa vào kế hoạch năm 2014 các nhiệm vụ tham gia thực hiện:

- Công tác thông tin và thống kê KH&CN (Triển khai thực hiện Chỉ thị số 3595/CT-BKH&CN ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về tăng cường công tác thống kê KH&CN);



- Xác lập, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ tạo lập, khai thác, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương.

- Chợ thiết bị và công nghệ (Techmart), sàn giao dịch công nghệ.

- Các nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ phát sinh và những biến động trong năm 2014 về tổ chức, biên chế, hoặc những nhiệm vụ đột xuất do cấp trên giao cần xây dựng thuyết minh chi tiết.

- Để thực hiện mục tiêu của chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2015, hình thành được 3.000 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong đó số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ hình thành từ các trường đại học, viện nghiên cứu chiếm khoảng 70%. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục đề nghị các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, tạo các điều kiện cần thiết để các viện, trường, tổ chức trực thuộc và các nhà khoa học triển khai thực hiện việc hình thành, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

### **III. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2014**

Các Bộ, ngành, địa phương lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2014 tăng khoảng 10% so với năm 2013. Khi lập dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của địa phương, cần lưu ý định hướng bố trí dự toán dành khoảng 60 - 65% tổng kinh phí sự nghiệp khoa học được cân đối để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ưu tiên các dự án sản xuất thử nghiệm là kết quả nghiên cứu ứng dụng. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN của các Bộ, ngành và địa phương bao gồm: chi hoạt động thường xuyên; chi thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước; chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp; chi đầu tư phát triển cho KH&CN. Việc lập dự toán được tiến hành như sau:

1. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước cho hoạt động thường xuyên (lương và hoạt động bộ máy): hiện tại, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính đang xây dựng Thông tư liên tịch hướng dẫn việc bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên (lương và hoạt động bộ máy) của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được giao của tổ chức khoa học và công nghệ (thực hiện Nghị định 96/2010/NĐ-CP). Do vậy, trước mắt việc lập dự toán chi ngân sách sự nghiệp KH&CN tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành. Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ có hướng dẫn bổ sung sau khi văn bản mới được ban hành.

2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý nhà nước cấp Bộ, ngành, địa phương về tiêu chuẩn đo lường chất lượng (xây dựng TCVN, QCVN...), sở hữu trí tuệ, thông tin và thống kê KH&CN, thực hiện Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, kiểm soát và an toàn bức xạ hạt nhân...; dự án sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN để tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp; dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN: việc lập dự toán thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Để thực hiện việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN kịp thời, phù hợp với tiến độ đặt hàng và phê duyệt theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN, Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) dự kiến sẽ được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014, các Bộ, ngành, địa phương lập dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tiến hành như sau:

3.1. Lập tổng dự toán kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2014;

3.2. Dành khoảng 70% - 80% tổng dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phân bổ cho các nhiệm vụ chuyển tiếp từ các năm trước sang và nhiệm vụ mới của năm 2014 được phê duyệt trước ngày 31/7/2013;

3.3. Phần 20% - 30% tổng dự toán còn lại dành để phân bổ kịp thời theo tiến độ đặt hàng cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đề xuất đặt hàng và được phê duyệt trong khoảng thời gian sau ngày 31/7/2013, nhất là các nhiệm vụ mới được phê duyệt từ đầu năm 2014 khi Luật Khoa học và Công nghệ (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn Luật có hiệu lực.

4. Kinh phí đầu tư phát triển cho KH&CN của các tỉnh, thành phố được sử dụng để chi cho các nội dung xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN, tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về KH&CN (quản lý nhà nước về Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, Kiểm soát an toàn và bức xạ hạt nhân v.v...), Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm tin học và thông tin KH&CN, Thư viện điện tử, Phòng thí nghiệm, Trung tâm công nghệ sinh học, Trạm trại thực nghiệm để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN hoặc chuyển giao công nghệ. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, các dự án đầu tư phát triển tiềm lực cho các Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN và Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng là đối tượng áp dụng của Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Các Bộ, Ngành, Địa phương không dự toán vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để thực hiện các dự án khi các dự án này chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt trước thời hạn quy định.

#### **IV. Một số lưu ý đối với kế hoạch KH&CN năm 2014**

1. Đối với các Bộ, ngành có các Chương trình KH&CN cấp Nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì tổ chức thực hiện (Phụ lục 8) cần phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách của Bộ, ngành liên quan gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để làm căn cứ phối hợp với Bộ Tài chính xem xét bố trí kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014.

2. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN phải bao gồm cả kế hoạch và dự toán vốn đầu tư phát triển cho KH&CN phù hợp với nội dung kế hoạch và tổng dự toán ngân sách năm 2014 của Bộ, ngành, địa phương.

3. Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Bộ, ngành, địa phương nên tổ chức theo các chương trình đề tập trung giải quyết các mục tiêu, nội dung và sản phẩm cụ thể.

## **V. Tiến độ triển khai xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chi hoạt động KH&CN năm 2014**

### **1. Đối với các Bộ, ngành, địa phương**

Từ tháng 2/2013 đến trước ngày 30/6/2013:

- Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ KH&CN của Bộ, ngành, địa phương, thẩm định, phê duyệt kinh phí và tổng hợp vào kế hoạch KH&CN năm 2014 của Bộ, ngành, địa phương.

- Các Bộ, ngành, địa phương tổ chức thẩm định, phê duyệt kinh phí để thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp sử dụng vốn sự nghiệp KH&CN.

Từ tháng 2/2013 đến trước ngày 31/5/2013:

- Các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn lập hồ sơ dự án xây dựng cơ bản của các tổ chức nghiên cứu – phát triển hoặc đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN, tổ chức thẩm định, phê duyệt.

Từ 01/6/2013 đến 15/6/2013 **tổng hợp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để Khoa học và Công nghệ thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kế hoạch vốn** (danh mục tổng hợp theo hướng dẫn tại Phụ lục 5 và đảm bảo các hồ sơ dự án đã đầy đủ thủ tục theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng cơ bản).

### **2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước**

- *Trước ngày 09/02/2013*: Các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014 theo nội dung hướng dẫn tại Công văn này.

- *Trước ngày 20/3/2013*: Các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc tổ chức xem xét lựa chọn đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc và tổng hợp các đề xuất đặt hàng gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

- *Trước ngày 25/4/2013*: Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thành việc xác định nhiệm vụ và công bố danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước để đưa ra tuyển chọn hoặc xét chọn giao trực tiếp.

- *Từ ngày 25/4/2013 đến ngày 31/5/2013*: các tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc xét giao trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước.

- *Từ ngày 31/5/2013 đến 25/7/2013*: Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức tuyển chọn, xét giao trực tiếp các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp nhà nước, hoàn thành việc thẩm định và phê duyệt kinh phí để bố trí kế hoạch thực hiện năm 2014.

3. Trong khoảng thời gian từ 25/2/2013 đến 31/3/2013 Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tổ chức làm việc với một số Bộ, ngành, địa phương về kế hoạch KH&CN năm 2014.

4. Chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2013, các Bộ, Ngành, Địa phương gửi Kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2014 của Bộ, ngành, địa phương (02 bản) đến Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 cho ngành KH&CN.

5. Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2013: Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc bố trí kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các nội dung kế hoạch KH&CN năm 2014. Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ hướng dẫn chi tiết các nội dung kế hoạch KH&CN năm 2014 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện và quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014 đến các đơn sử dụng ngân sách.

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung kế hoạch KH&CN năm 2014 như trên để các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu VT, Vụ KHTC.

*BR*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Chu Ngọc Anh**

Bộ .... (ghi rõ tên Bộ, ngành,  
Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 91)  
UBND tỉnh, thành phố....

*Phụ lục 1*  
*Biểu TK1*

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2013

Số TT	Tên kết quả	Xuất xứ của kết quả (Cơ quan tạo ra, tên đề tài/dự án, cấp quản lý)	Quy mô, khối lượng sản phẩm, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu	Hiệu quả kinh tế - xã hội*	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

\* Bên cạnh việc phân tích hiệu quả kinh tế xã hội, cần nêu thêm:

- Đối với các kết quả đã được áp dụng: địa chỉ áp dụng và tiếp tục áp dụng;
- Đối với các kết quả chưa được áp dụng: tính khả thi, địa chỉ dự kiến áp dụng.

Bộ .... (ghi rõ tên Bộ, ngành,  
Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 91)  
UBND tỉnh, thành phố....

**Phụ lục 1**  
**Biểu TK2**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2013**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Bài báo, ấn phẩm khoa học được đăng tải trên các tạp chí quốc tế			
2	Số lượng sáng chế được đăng ký bảo hộ			
3	Tiêu chuẩn được ban hành			
4	Quy chuẩn được ban hành			
5	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			
6	Kết quả khác			

Bộ .... (ghi rõ tên Bộ, ngành,  
Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 91)  
UBND tỉnh, thành phố....

*Phụ lục 1  
Biểu TK3*

**THỐNG KÊ CÁN BỘ KHOA HỌC CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU – PHÁT TRIỂN**

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu – phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN	Nhân lực hiện có đến 31/12/2013					Quỹ lương và chi bộ máy sự nghiệp khoa học (tr.đ)	Ghi chú*
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH					
				Tổng số	Bao gồm				
					Trên ĐH	ĐH			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

\* Ghi số lượng cán bộ hợp đồng dài hạn và quỹ lương trả cho số cán bộ này.

**Phụ lục 1**  
**Biểu TK4**

Bộ .... (ghi rõ tên Bộ, ngành,  
Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 91)  
UBND tỉnh, thành phố....

**DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN (năm 2013)**

Stt	Tên Dự án/ công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Tổng vốn đầu tư được duyệt (triệu đồng)	Kinh phí bố trí năm 2013 (triệu đồng)	Ghi chú
				Khởi công	Hoàn thành			
1								
2								
3								
4								
5								
.....								



UBND tỉnh, thành phố....

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU KẾT QUẢ  
HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN (năm 2013)**

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được	
			Số lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công tác quản lý KH&amp;CN</b>			
1	Thẩm định dự án đầu tư	DA		
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ		
3	Giám định công nghệ	CN		
<b>II</b>	<b>Công tác an toàn bức xạ hạt nhân</b>			
1	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở		
2	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép		
<b>III</b>	<b>Công tác Sở hữu trí tuệ</b>			
1	Số đơn đăng ký sở hữu trí tuệ	Đơn		
2	Số văn bằng được cấp	Văn bằng		
<b>IV</b>	<b>Công tác thông tin KH&amp;CN</b>			
1	Số ấn phẩm thông tin phát hành	Ấn phẩm		
2	Kết quả khác			
<b>V</b>	<b>Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng</b>			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được ban hành	Quy chuẩn		
4	Số doanh nghiệp, đơn vị hành chính nhà nước được cấp chứng chỉ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO	DN, đơn vị		
<b>VI</b>	<b>Công tác thanh tra</b>			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị được thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		

**PHIẾU ĐỀ XUẤT VẤN ĐỀ, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT Ở CẤP NHÀ NƯỚC NĂM 2014**

---

1. Tên vấn đề, nhiệm vụ KH&CN:

2. Thuộc lĩnh vực/Chương trình:

3. Lý do đặt hàng:

*3.1. Tính cấp thiết đối với phát triển KH&CN, phát triển kinh tế-xã hội; triển vọng đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành hoặc lĩnh vực nói chung và mục tiêu phát triển KH&CN nói riêng.*

*3.2. Nhu cầu phối hợp liên ngành, sự điều hòa phối hợp của cơ quan quản lý (Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ, ngành chủ quản có liên quan).*

*3.3. Địa chỉ và phương án tổ chức triển khai áp dụng.*

*3.4. Năng lực của tổ chức và cá nhân*

4. Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế - xã hội khi áp dụng kết quả nghiên cứu:

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẶT HÀNG**  
*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)*

**Ghi chú:** Phiếu đặt hàng được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

Bộ .... (ghi rõ tên Bộ, Ngành,  
Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 91)  
UBND tỉnh, thành phố....

**TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG  
CÁC VẤN ĐỀ, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT Ở CẤP NHÀ NƯỚC NĂM 2014 \***  
(Kèm theo Công văn số: / ngày tháng năm của Bộ, ngành,  
Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty 91, UBND tỉnh, thành phố ..... )

Stt	Tên vấn đề, nhiệm vụ	Thuộc lĩnh vực	Lý do	Dự kiến hiệu quả mang lại

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Họ, tên, chữ ký của Lãnh đạo Bộ, ngành,  
địa phương và đóng dấu)

\* **Ghi chú:** Kèm theo Bản tổng hợp này là Phiếu đề xuất vấn đề, nhiệm vụ KH&CN cần được giải quyết ở cấp nhà nước năm 2014 của các tổ chức và cá nhân nêu tại Phụ lục 2.





**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KH&CN  
TRỌNG ĐIỂM CẤP NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011-2015  
ĐÃ ĐƯỢC BỘ KH&CN PHÊ DUYỆT \***

Stt	Mã số Chương trình	Số Quyết định / Tên Chương trình
1	KC.01/11-15	- 3053/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.
2	KC.02/11-15	- 3054/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới.
3	KC.03/11-15	- 3055/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cơ khí và tự động hoá
4	KC.04/11-15	- 3056/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học.
5	KC.05/11-15	- 3084/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng.
6	KC.06/11-15	- 3057/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất các sản phẩm chủ lực.
7	KC.07/11-15	- 3058/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sau thu hoạch.
8	KC.08/11-15	- 3059/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
9	KC.09/11-15	- 3060/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển.
10	KC.10/11-15	- 3061/QĐ-BKHCN ngày 30/9/2011: Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cộng đồng.
11	KX.01/11-15	- 3085/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu khoa học phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt Nam đến năm 2020.
12	KX.02/11-15	- 3086/QĐ-BKHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu khoa

		học phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam đến năm 2020.
13	KX.03/11-15	- 3087/QĐ-BKHHCN ngày 04/10/2011: Nghiên cứu khoa học phát triển văn hoá, con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
14	KX.06/11-15	- 3272/QĐ-BKHHCN ngày 24/10/2011: Nghiên cứu và phát triển hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

\* Mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của các Chương trình được đăng tải trên website: <http://www.most.gov.vn>

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN  
ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

<b>Stt</b>	<b>Số QĐ, ngày</b>	<b>Tên Chương trình/ Đề án</b>
1	712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010	Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020
2	144/2006/QĐ-TTg ngày 20/06/2006 và 118/2009/QĐ-TTg ngày 30/09/2009	Quy định áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2000/2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước.
3	682/QĐ-TTg ngày 10/5/2011	Đề án hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Đề án TBT giai đoạn 2011-2015)
4	1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010	Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015
5	2204/QĐ-TTg ngày 06/12/2010	Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015
6	2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010	Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia đến năm 2020
7	2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020
8	677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011	Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020
9	735/QĐ-TTg ngày 22/5/2011	Đề án Hội nhập Quốc tế về khoa học và công nghệ
10	592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

*Lưu ý: Thông tin chi tiết về các Chương trình xem trên website của Chính phủ.*



**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC  
ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO BỘ, NGÀNH THỰC HIỆN**

Stt	Số QĐ, ngày	Tên Chương trình/ Đề án
<b>I</b>	<b>Bộ Công thương</b>	
1	01/2006/QĐ-TTg ngày 03/01/2006	Hệ thống các Đề án, dự án để thực hiện nhiệm vụ: “Phát triển ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong công nghiệp”.
2	14/2007/QĐ-TTg ngày 25/01/2007	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020
3	61/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007	Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hoá dược đến năm 2020.
4	177/2007/QĐ-TTg ngày 20/11/2007	Đề án phát triển nhiên liệu sinh học đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025.
5	159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008	Đổi mới và hiện đại hoá công nghiệp trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025.
6	1030/QĐ-TTg ngày 20/7/2009	Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025.
<b>II</b>	<b>Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020.
2	97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực Thủy sản.
3	27/QĐ-TTg ngày 05/01/2012	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.
<b>III</b>	<b>Bộ Tài nguyên và Môi trường</b>	
1	2630/QĐ-BKHHCN ngày 29/8/2011	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.
<b>IV</b>	<b>Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam</b>	
1	2632/QĐ-BKHHCN ngày 29/8/2011	Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên (Chương trình Tây Nguyên 3).